TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HÀ TĨNH** Bản án số: 98/2024/HNGĐ-ST Ngày: 20/8/2024 *"Về việc tranh chấp về Hôn nhân và gia đình"*	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà:* Ông Bùi Quang Năng

- *Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Thái Linh

Bà Trần Thị Kim Phương.

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thanh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên toà: Bà Phạm Thị Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 68/2024/ TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2024 về việc "Ly hôn, giải quyết nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 89/2024/QĐXX-ST ngày 18 tháng 7 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 45/2024/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Q; Sinh năm 1990; Nơi ĐKHKTT: Thôn P, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Phạm Duy K; Sinh năm 1985; Nơi ĐKHKTT trước khi xuất cảnh: Thôn P, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh. (Hiện đang lao động tại Hàn Quốc). Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai chị Nguyễn Thị Q trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phạm Duy K tự do tìm hiểu trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn ngày 29/11/2010 tại UBND xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh. Sau khi kết hôn, vợ chồng không có mâu thuẫn gì nhưng cả hai không có tình cảm với nhau, không thể tiếp tục chung sống với nhau nên đầu năm 2016 chị đã bỏ đi làm ăn xa cho đến nay đã 8 năm. Từ lúc chị bỏ đi anh K và chị không liên lạc gì với nhau, tính đến thời điểm hiện nay, vợ chồng đã sống ly thân 8 năm. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh K.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Phạm Thị Bảo T, sinh ngày 12/6/2012. Chị đồng ý giao con cho anh Phạm Duy K được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, chị không phải cấp dưỡng nuôi con. Hiện tại anh K đi làm ăn xa chị đồng ý giao con chung cho bố mẹ anh K chăm sóc cho đến khi anh K về nước có đủ điều kiện nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Nguyễn Thị Q yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tiến hành thụ lý giải quyết vụ án mà không thực hiện thủ tục hòa giải tiền tố tụng cũng như hòa giải trong quá trình giải quyết.

Chị Nguyễn Thị Q trình bày không biết địa chỉ cụ thể của anh Phạm Duy K tại Hàn Quốc mà chỉ biết anh thường gọi điện về cho bố mẹ đẻ anh là ông Phạm Ngọc T1 và bà Thái Thị H, trú tại thôn T, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh. Chị đề nghị Tòa án thu thập địa chỉ của anh K qua bố mẹ anh.

Bị đơn anh Phạm Duy K hiện đang làm việc tại nước Hàn Quốc. Toà án đã tiến hành xác minh tại bố đẻ anh là ông Phạm Ngọc T1, trú tại Thôn P, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh, ông T1 cho biết anh Phạm Duy K là con trai ông, Nơi ĐKHTTT trước khi xuất cảnh: Thôn P, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh. Anh K đang lao động tại Hàn Quốc, anh xuất cảnh từ tháng 3/2023 đến nay, chưa về nước lần nào, anh K thường xuyên liên lạc với gia đình nhưng không ai biết địa chỉ cụ thể của anh K nên không cung cấp được cho Tòa án. Anh K kết hôn với chị Nguyễn Thị Q vào năm 2010, đăng ký kết hôn tại UBND xã K, huyện K, Hà Tĩnh. Sau khi kết hôn, tình cảm vợ chồng bình thường, hai vợ chồng sống cùng bố mẹ chồng tại xã K, K, Hà Tĩnh. Sau đó K đi lao động tại Đài Loan, năm 2014 Q đi lao động tại Trung Quốc đến năm 2015 về nước 1 thời gian, sau đó Q tự ý đi Trung Quốc không báo với gia đình, từ đó đến nay Q không trở về nhà. Còn anh K đi lao động tại Đài Loan về nước 1 thời gian, đến năm 2023 đi lao động tại Hàn Quốc cho đến nay. Hai vợ chồng hầu như không sống cùng nhau, về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng, ông bà không nắm được. Nay chị Q làm thủ tục ly hôn, khi nhận được các

văn bản của Tòa án, chúng tôi thông báo cho K, K nói vợ chồng không còn tình cảm, K đồng ý ly hôn để hai bên giải thoát cho nhau.

Về con chung, vợ chồng có 01 con chung tên là Phạm Thị Bảo T, sinh ngày 12/6/2012, từ khi nhỏ đến nay cháu T sống cùng ông bà nội, nay vợ chồng K ly hôn, K có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu chị Q đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con. Trong thời gian K đang đi làm ăn xa, chúng tôi nhận nuôi cháu đến khi anh K về nước đủ điều kiện nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Do K hiện nay làm đánh bắt xa bờ, không có sóng không liên lạc được, K trình bày quan điểm về việc ly hôn với ông bà như trên, ngoài ra K không cung cấp địa chỉ cụ thể của K ở nước Hàn Quốc, không có văn bản trình bày ý kiến gửi về cho Toà án. Ông đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Toà án và có trách nhiệm thông báo lại cho anh K.

Cháu Phạm Thị Bảo T, sinh ngày 12/6/2012 có đơn trình bày nguyện vọng được ở với bố sau khi bố mẹ ly hôn.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng, các đương sự; phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng và đầy đủ thủ tục tố tụng theo quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 51, các Điều 56, 57, 81, 82, 83, 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình; mục 2 phần II Nghị quyết 01/2003/NQ-HĐTP ngày 16/4/2003 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 469, Điều 479 Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, điểm 1.1 khoản 1 mục II Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14:

- Về tình cảm: Cho chị Nguyễn Thị Q được ly hôn anh Phạm Duy K.

- Về con chung: Giao con chung Phạm Thị Bảo T, sinh ngày 12/6/2012 cho anh Phạm Duy K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Chị

Nguyễn Thị Q không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên miễn xem xét.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị Q phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị Q (trú tại: Thôn P, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh) khởi kiện xin ly hôn anh Phạm Duy K (Nơi ĐKHKTT trước khi xuất cảnh: Thôn P, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh), anh K đang sống và làm việc tại nước Hàn Quốc. Theo công văn của Phòng Q1 Công an tỉnh H ngày 07/5/2024 thì anh Phạm Duy K, sinh ngày 02/9/1985 đã xuất cảnh chuyến cuối cùng ngày 28/4/2023, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Vì vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh thụ lý, giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền quy định tại Điều 28, khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh Phạm Duy K thường xuyên liên lạc với gia đình nhưng cố tình không cung cấp địa chỉ của anh hiện nay ở nước ngoài. Gia đình anh vẫn thường xuyên liên lạc với anh K nên đã nhận các văn bản tố tụng để thông báo cho anh K. Vì vậy, Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục bị đơn cố tình giấu địa chỉ. Chị Nguyễn Thị Q vì lý do bận công việc nên không thể đến tham gia phiên tòa, có đơn xin được xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành mở phiên tòa xét xử vắng mặt anh chị Q, anh K theo thủ tục chung.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Q và anh Phạm Duy K kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên quan hệ hôn nhân giữa chị Q và anh K là hợp pháp. Theo chị Q trình bày sau khi kết hôn vợ chồng sống không hạnh phúc do không có tình cảm, từ năm 2016 chị bỏ đi lao động ở nước ngoài, từ đó đến nay vợ chồng sống ly thân, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị Q mong muốn giải quyết ly hôn. Quá trình giải quyết vụ án, anh Phạm Duy K đã được gia đình thông báo về việc chị Nguyễn Thị Q có đơn xin ly hôn nhưng anh K không có văn bản trình bày quan điểm về việc ly hôn, không đồng ý làm việc với Toà án, điều đó chứng tỏ anh K có ý thức bỏ mặc hôn nhân. Anh K có trình bày quan điểm về việc giải quyết vụ án thông qua ông Phạm Ngọc T1 (cha đẻ) với nội dung anh đồng ý ly hôn với chị Q. Hội đồng xét xử xét thấy, chị Q, anh K không quan tâm đến nhau nên tình cảm không còn, mỗi người sống một nơi không có khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Q.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị Q và anh Phạm Duy K có 01 con chung là Phạm Thị Bảo T, sinh ngày 12/6/2012. Xét thấy, con từ khi sinh ra đến nay sống cùng anh K và ông bà nội, nay ly hôn chị Q yêu cầu giao con chung cho anh K trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, chị Q không phải cấp dưỡng nuôi con, trong thời gian anh K đi làm ăn xa chị đồng ý giao con cho bố mẹ anh K chăm sóc cho đến khi anh K về nước đủ điều kiện nuôi con. Anh K và bố mẹ anh K đồng ý với nguyện vọng của chị Q. Cháu Phạm Thị Bảo T có đơn trình bày nguyện vọng được ở với bố sau khi bố mẹ ly hôn. Do đó, cần giao con Phạm Thị Bảo T cho anh Phạm Duy K chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi về quyền nuôi con. Chị Nguyễn Thị Q không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết, miễn xét.

[5] Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Q phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 51, các Điều 56, 57, 81, 82, 83, 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình; mục 2 phần II Nghị quyết 01/2003/NQ-HĐTP ngày 16/4/2003 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 469, Điều 479 Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, điểm 1.1 khoản 1 mục II Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14; **Xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Q được ly hôn anh Phạm Duy K.

2. Về con chung: Giao con chung Phạm Thị Bảo T, sinh ngày 12/6/2012 cho anh Phạm Duy K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Chị Nguyễn Thị Q không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Q phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai số 0000844 ngày 08 tháng 4 năm 2024 của Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Hà Tĩnh.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết; bị đơn có quyền

kháng cáo trong thời hạn 1 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Cục THADS tỉnh Hà Tĩnh;
- Các đương sự;
- UBND xã Kỳ Phú,
Huyện Kỳ Anh, Hà Tĩnh (Nơi ĐKKH);
- Lưu HSVA, VP, TDS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Quang Năng